**BỘ Y TẾ**

###### TÀI LIỆU ĐÀO TẠO

###### DỤNG CỤ TRÁNH THAI TRONG TỬ CUNG

###### *(Sách dùng cho học viên)*

**Hà Nội, 2016**

MỤC LỤC

[**LỜI GIỚI THIỆU** 3](#_Toc71790973)

[1. Cơ chế tác dụng của DCTC 5](#_Toc71790974)

[2. Thuận lợi và không thuận lợi của DCTC 6](#_Toc71790975)

[2.1. DCTC có những thuận lợi sau 6](#_Toc71790976)

[2.2. DCTC có những điểm không thuận lợi sau 6](#_Toc71790977)

[3. Chỉ định và chống chỉ định của DCTC 6](#_Toc71790978)

[3.1. Chỉ định 6](#_Toc71790979)

[3.2. Chống chỉ định tuyệt đối (nguy cơ đối với sức khỏe quá cao, nên không được sử dụng DCTC): 6](#_Toc71790980)

[3.3. Chống chỉ định tương đối: 7](#_Toc71790981)

[4. Quy trình thực hiện 7](#_Toc71790982)

[4.1. Tư vấn và cung cấp thông tin về DCTC 7](#_Toc71790983)

[4.2. Thăm khám đánh giá trước khi áp dụng biện pháp 8](#_Toc71790984)

[4.3.Thời điểm đặt DCTC 8](#_Toc71790985)

[*4.3.1. Khách hàng chưa sử dụng BPTT.* 8](#_Toc71790986)

[A. DCTC chứa đồng 8](#_Toc71790987)

[B. DCTC giải phóng levonorgestrel 8](#_Toc71790988)

[*4.3.2. Khách hàng đang sử dụng BPTT khác.* 9](#_Toc71790989)

[*4.3.3. Tránh thai khẩn cấp.* 9](#_Toc71790990)

[5. Thủ thuật đặt dụng cụ tử cung 9](#_Toc71790991)

[5.1. Đối với tất cả các loại DCTC. 9](#_Toc71790992)

[5.2. Chuẩn bị đặt: 10](#_Toc71790993)

[5.3. Các thao tác đặt DCTC: 10](#_Toc71790994)

[5.3.2. *Đặt DCTC dạng không khung (GyneFix®)* 12](#_Toc71790995)

[*5.3.3. Đặt DCTC giải phóng levonorgestrel :* 13](#_Toc71790996)

[6. Tháo DCTC. 14](#_Toc71790997)

[6.1. Chỉ định tháo DCTC. 14](#_Toc71790998)

[6.2. Cách tháo DCTC. 14](#_Toc71790999)

[7. Những vấn đề khó khăn khi sử dụng và cách xử trí. 14](#_Toc71791000)

[7.1. Ra máu nhiều hoặc kéo dài (> 8 ngày hoặc gấp đôi lượng máu kinh bình thường). 14](#_Toc71791001)

[7.2. Ra máu âm đạo bất thường. 14](#_Toc71791002)

[7.3. Đau hạ vị. 15](#_Toc71791003)

[7.4. Mắc NKLTQĐTD hoặc bị trong vòng 3 tháng gần đây hoặc viêm mủ cổ tử cung 15](#_Toc71791004)

[7.5. Có thai. 15](#_Toc71791005)

[7.6. Chồng/bạn tình phàn nàn về dây DCTC. 16](#_Toc71791006)

[8. Đối với khách hàng HIV(+). 16](#_Toc71791007)

# **LỜI GIỚI THIỆU**

Bộ Y tế trân trọng giới thiệu sách “***Tài liệu đào tạo Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản- Phần Kế hoạch hóa gia đình***”. Tài liệu đào tạo này được sửa chữa và bổ sung thêm theo cuốn sách đào tạo cùng tên xuất bản từ năm 2009 và dựa theo “Hướng dẫn Quốc Gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản được cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung lần thứ 3”.

Bộ sách gồm 3 cuốn:

**Sách dành cho học viên**

Sách dành cho giảng viên

Đáp án.

Bộ sách này là sự nỗ lực lớn và sự hợp tác có hiệu quả của **Bộ Y tế** với Tổ chức Y tế thế giới, **tổ chức Marie Stopes International Việt Nam**, tổ chức Ipas, Trung tâm nghiên cứu và tư vấn sức khỏe sinh sản, các bộ môn và bệnh viện Phụ sản Trung ương, Bệnh viện Từ Dũ, Bệnh viện Hùng Vương, Bệnh viện Đa khoa Trung ương Huế, các chuyên gia, cán bộ quản lý và nhà giáo trong, ngoài nước và có sự đóng góp của nhiều cấp, nhiều cán bộ trong ngành cũng như ngoài ngành y tế.

Sách thể hiện sự quyết tâm đào tạo, chuẩn hoá ở cấp quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản, nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ này.

**Cuốn sách thứ nhất:** là cuốn tài liệu dành cho học viên

Sách này được biên soạn thành một tài liệu mođun hoá nhằm hỗ trợ học viên tự học. Mỗi bài/chủ đề đều có 3 bộ phận:

Mục tiêu học tập: được đóng khung, chỉ rõ các đích cụ thể mà người học phải đạt được sau khi học

Nội dung thiết yếu: gồm các điểm mấu chốt được gắn chặt với mục tiêu. Vì đây là tài liệu đào tạo lại nên các nội dung này được chọn lọc kỹ lưỡng theo kết quả điều tra nhu cầu học tập của những người cung cấp dịch vụ sức khoẻ sinh sản, chú ý nhấn mạnh những tri thức, kỹ năng, hành vi phải đổi mới để thực hiện được Hướng dẫn quốc gia năm - 2016.

Phần này còn có nhiều tranh ảnh, sơ đồ bảng biểu để minh họa cho nội dung. Một số nội dung cần thiết được viết dưới dạng các sơ đồ diễn tiến. Hầu hết các kỹ năng/thủ thuật thực hành đều được viết dưới dạng hướng dẫn thực hành kèm theo các bảng kiểm để tạo điều kiện cho người dạy chuẩn hoá kỹ thuật và giúp người học có thể vừa tự học thực hành, vừa tự phản hồi ngay.

Tự lượng giá:

Phần này bao gồm các câu hỏi kiểu truyền thống và chủ yếu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan cho các chủ đề lý thuyết. Đối với các nội dung thực hành, học viên được yêu cầu luyện tập và phản hồi cho nhau theo các bảng kiểm.

Đối với các nội dung giao tiếp và thái độ, học viên được yêu cầu đóng vai hoặc tư vấn và phản hồi cho nhau theo bảng kiểm. Khi cần thiết, bộ phận này có cả các bài tập nghiên cứu tình huống và giải quyết vấn đề.

**Cuốn sách thứ hai** là sách hướng dẫn giảng dạy của giáo viên.

**Cuốn sách thứ ba:** là Đáp án và hướng dẫn trả lời các câu hỏi, bài tập trong cuốn sách thứ nhất. Mọi học viên đều được phát sau hoặc trong khi học để họ có thể tra cứu và tự lượng giá.

Cả ba cuốn sách trên đều được các nhà chuyên môn hợp tác với các nhà sư phạm có kinh nghiệm trong và ngoài nước biên soạn và chỉnh sửa nhiều lần, đã được thu thập ý kiến và thử nghiệm ở nhiều cấp, nhiều địa phương. Nhân dịp này, Vụ Sức khỏe Bà mẹ- Trẻ em, Bộ Y tế xin trân trọng cảm ơn Tổ chức Y tế thế giới, tổ chức **Marie Stopes International Việt Nam**, tổ chức Ipas, Trung tâm nghiên cứu và tư vấn sức khỏe sinh sản, những người biên soạn, biên tập, hiệu đính đã giúp cho bộ sách được xuất bản. Bộ Y tế hoan nghênh mọi nhận xét, góp ý kiến để bộ sách được hoàn thiện hơn.

**VỤ SỨC KHOẺ BÀ MẸ- TRẺ EM, BỘ Y TẾ**

**DỤNG CỤ TRÁNH THAI TRONG TỬ CUNG**

Mục tiêu học tập

|  |
| --- |
| 1. Kể được 2 chỉ định và 11 chống chỉ định tuyệt đối của dụng cụ tử cung (DCTC). 2. Nêu được các nội dung tư vấn về DCTC. 3. Nêu được các thời điểm cụ thể để đặt DCTC. 4. Mô tả đầy đủ và đúng các bước kỹ thuật đặt và tháo dụng cụ tử cung. 5. Trình bày được các vấn đề khó khăn khi sử dụng DCTC và cách xử trí. |

|  |  |
| --- | --- |
| Dụng cụ tránh thai trong tử cung (DCTC) là một biện pháp tránh thai (BPTT) tạm thời, dài hạn và hiệu quả. DCTC hiện có 2 loại: (i) loại chứa đồng (Ví dụ: TCu-380A, Multiload Cu-375 và GyneFix®...) được làm từ một thân plastic với các vòng đồng hoặc dây đồng, và (ii) loại giải phóng levonorgestrel có một thân chữ T bằng polyethylen chứa 52 mg levonorgestrel, giải phóng 20 μg hoạt chất/ngày. DCTC TCu-380A có tác dụng trong 10 năm và DCTC giải phóng levonorgestrel có tác dụng tối đa 5 năm. Khách hàng nhiễm HIV hay có bạn tình nhiễm HIV có thể sử dụng DCTC nhưng cần lưu ý là BPTT này không giúp ngăn ngừa NKLTQĐTD và HIV/AIDS. |  |
| **Hình1.** Hình vẽ các dạng DCTC |

### 1. Cơ chế tác dụng của DCTC

- Ngăn không cho noãn thụ tinh với tinh trùng.

- Hoặc làm cho noãn đã thụ tinh không làm tổ được trong tử cung.

### 2. Thuận lợi và không thuận lợi của DCTC

## 2.1. DCTC có những thuận lợi sau

* Hiệu quả tránh thai rất cao (từ 97 - 99%).
* Thao tác đặt không quá phức tạp, và trở nên dễ dàng nếu được đào tạo và thực hành tốt.
* Có tác dụng tránh thai nhiều năm (DCTC TCu 380-A có thời hạn 10 năm, MLCu-375 là 5 năm).
* Có thể giao hợp bất cứ lúc nào mà không cần chuẩn bị dụng cụ, không cần uống thuốc, đặt thuốc tại chỗ hay tính toán để "kiêng" những thời điểm không an toàn.
* Không ảnh hưởng đến chức năng nội tiết cũng như hệ thống chuyển hoá của cơ thể, không tương tác với các thuốc khác.
* Không ảnh hưởng đến tiết sữa nuôi con.
* Có thể tháo ra dễ dàng.
* Dễ có thai trở lại sau khi tháo.
* Hiếm khi gặp các tai biến nặng.
* Giá thành rẻ hơn dùng viên thuốc tránh thai và các BPTT khác.
* Có thể đặt ngay sau khi phá thai.

## 2.2. DCTC có những điểm không thuận lợi sau

* Khách hàng phải đến cơ sở y tế để đặt và tháo ra.
* Cán bộ y tế phải được huấn luyện đầy đủ về chỉ định, chống chỉ định về kỹ thuật, cách theo dõi, chăm sóc và xử trí khi có bất thường.
* Sau khi đặt thường có một số tác dụng phụ gây khó chịu cho khách hàng. Đôi khi có biến chứng phải điều trị.
* Không có tác dụng phòng tránh bệnh LTQĐTD.

### 3. Chỉ định và chống chỉ định của DCTC

## 3.1. Chỉ định

* Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, muốn áp dụng một BPTT tạm thời, dài hạn, hiệu quả cao và không có chống chỉ định.
* Tránh thai khẩn cấp (chỉ đối với DCTC chứa đồng).

## 3.2. Chống chỉ định tuyệt đối (nguy cơ đối với sức khỏe quá cao, nên không được sử dụng DCTC):

* Có thai.
* Nhiễm khuẩn hậu sản.
* Ngay sau sẩy thai nhiễm khuẩn.
* Ra máu âm đạo chưa được chẩn đoán nguyên nhân.
* Bệnh nguyên bào nuôi ác tính hoặc có tình trạng βhCG vẫn gia tăng.
* Ung thư cổ tử cung, ung thư niêm mạc tử cung.
* Đang bị ung thư vú (chỉ đối với DCTC giải phóng levonorgestrel).
* U xơ tử cung hoặc các dị dạng khác làm biến dạng buồng tử cung.
* Đang viêm tiểu khung, lộ tuyến cổ tử cung.
* Đang viêm mủ cổ tử cung hoặc nhiễm Chlamydia, lậu cầu.
* Lao vùng chậu.

## 3.3. Chống chỉ định tương đối:

* Chống chỉ định tương đối cho các trường hợp nguy cơ tiềm ẩn cao hơn so với lợi ích thu nhận, nhưng có thể áp dụng nếu không có BPTT khác:
* Trong vòng 48 giờ sau sinh (chỉ đối với DCTC giải phóng levonorgestrel).
* Trong thời gian từ 48 giờ đến 4 tuần đầu sau sinh (kể cả sinh bằng phẫu thuật).
* Đang bị bệnh lupus ban đỏ hệ thống và có kháng thể kháng phospholipid (chỉ đối với DCTC giải phóng levonorgestrel) hoặc có giảm tiểu cầu trầm trọng
* Bệnh nguyên bào nuôi lành tính có tình trạng tình trạng βhCG giảm dần.
* Đã từng bị ung thư vú và không có biểu hiện tái phát trong 5 năm trở lại (chỉ với DCTC giải phóng levonorgestrel), hoặc bị ung thư buồng trứng.
* Có nguy cơ bị NKLTQĐTD cao.
* Bệnh AIDS có tình trạng lâm sàng không ổn định.
* Đang bị thuyên tắc mạch (chỉ chống chỉ định với DCTC giải phóng levonorgestrel).
* Đang hoặc đã bị thiếu máu cơ tim, chứng đau nửa đầu nặng (chỉ chống chỉ định với DCTC giải phóng levonorgestrel), hoặc đang bị xơ gan mất bù có giảm chức năng gan trầm trọng, hoặc u gan (chỉ với DCTC giải phóng levonorgestrel).
* Đang sử dụng một số thuốc kháng virus thuộc nhóm ức chế sao chép ngược nucleotid (NRTIs) hoặc không nucleotid (NNRTIs) hoặc nhóm ức chế men protease Ritonavir-booster.

### 4. Quy trình thực hiện

## 4.1. Tư vấn và cung cấp thông tin về DCTC

Mục đích của truyền thông và tư vấn giúp khách hàng an tâm, tự nguyện lựa chọn, áp dụng DCTC trong nhiều năm.

* Tìm hiểu nhu cầu của khách hàng về DCTC.
* Giới thiệu các loại DCTC hiện có và hướng dẫn cụ thể về loại DCTC khách hàng sẽ dùng.
* Sử dụng mô hình hay hình vẽ, giải thích cho khách hàng vị trí DCTC nằm trong tử cung và cách đặt.
* Hiệu quả, thuận lợi và bất lợi của DCTC. Chú ý là BPTT này không có tác dụng phòng tránh NKLTQĐTD. Hiện tại chưa có bằng chứng về mối liên quan giữa sử dụng DCTC và khả năng vô sinh.
* Giới thiệu những tác dụng ngoại ý thường gặp như có thể ra máu âm đạo hoặc đau nặng bụng (DCTC chứa đồng), thiểu kinh hoặc đôi khi vô kinh (DCTC giải phóng levonorgestrel). Giới thiệu các thuốc giảm đau nhóm kháng viêm không có steroid để xử trí tình trạng đau bụng hoặc cường kinh liên quan đến DCTC.
* Cho khách hàng biết hạn dùng của DCTC để đến tháo khi hết hạn. Hướng dẫn khách hàng tự theo dõi DCTC, cách sử dụng thuốc được cấp sau khi đặt DCTC.
* Dặn dò khách hàng đến khám kiểm tra lại sau một tháng, khám định kỳ hàng năm và những trường hợp cần đi khám lại ngay khi có dấu hiệu bất thường. Khách hàng có quyền đề nghị tháo bỏ để dùng một BPTT khác nếu họ không muốn tiếp tục mang DCTC.
* Đặt một số câu hỏi về những điều cơ bản đã tư vấn cho khách hàng để họ trả lời. Đảm bảo sự bí mật, riêng tư của khách hàng.
* Đối với DCTC giải phóng levonorgestrel cần giải thích rõ về các đặc điểm như ra máu, vô kinh sau đặt. Ra máu giữa kỳ, ra máu thấm giọt hoặc đau nhẹ vùng chậu có thể gặp trong những tuần đầu.

## 4.2. Thăm khám đánh giá trước khi áp dụng biện pháp

* Hỏi kỹ tiền sử để phát hiện chống chỉ định (dùng bảng kiểm).
* Thăm khám để loại trừ chống chỉ định.
* Một số những gợi ý để loại trừ không có thai, gồm:
* Không giao hợp kể từ lần có kinh bình thường ngay trước đó.
* Đã và đang sử dụng một BPTT tin cậy một cách liên tục và đúng phương pháp.
* Trong 7 ngày đầu sau kỳ kinh bình thường (hoặc trong vòng 12 ngày nếu khách hàng muốn sử dụng DCTC chứa đồng).
* Trong 4 tuần đầu sau sinh và không cho con bú.
* Trong 7 ngày đầu sau nạo, hút, sẩy thai.
* Đang cho bú mẹ hoàn toàn (hoặc gần như hoàn toàn), vô kinh và trong 6 tháng đầu sau sinh.

## 4.3.Thời điểm đặt DCTC

### *4.3.1. Khách hàng chưa sử dụng BPTT.*

### A. DCTC chứa đồng

* Bất kỳ lúc nào trong vòng 12 ngày từ ngày đầu của kỳ kinh.
* Ở bất cứ thời điểm nào nếu biết chắc là không có thai. Không cần sử dụng BPTT hỗ trợ nào khác.
* Vô kinh: bất kỳ thời điểm nào nếu có thể khẳng định không có thai.
* Sau sinh (kể cả sau phẫu thuật lấy thai) và cho con bú:
* Trong vòng 48h sau sinh, nếu không có chống chỉ định.
* Sau sinh 4 tuần trở đi, vô kinh: bất kỳ lúc nào, nếu biết chắc là không có thai.
* Sau sinh 4 tuần trở đi, đã có kinh trở lại: như trường hợp kinh nguyệt bình thường.
* Sau phá thai (3 tháng đầu và 3 tháng giữa): ngay sau khi phá thai, ngoại trừ nhiễm khuẩn sau phá thai.

### B. DCTC giải phóng levonorgestrel

* Trong vòng 7 ngày đầu kể từ ngày hành kinh đầu tiên.
* Ở bất cứ thời điểm nào nếu biết chắc là không có thai. Nếu đã quá 7 ngày từ khi bắt đầu hành kinh cần tránh giao hợp hoặc sử dụng thêm BPTT hỗ trợ trong 7 ngày kế tiếp.
* Vô kinh: bất kỳ thời điểm nào nếu có thể khẳng định không có thai, cần tránh giao hợp hoặc sử dụng thêm BPTT hỗ trợ trong 7 ngày kế tiếp.

Sau sinh (kể cả sau phẫu thuật lấy thai) và cho con bú:

* Sau sinh 4 tuần trở đi, vô kinh: bất kỳ lúc nào, nếu chắc chắn không có thai.
* Sau sinh 4 tuần trở đi, đã có kinh trở lại: như trường hợp kinh nguyệt bình thường.
* Không đặt DCTC cho sản phụ có nhiễm khuẩn hậu sản hay trong vòng 4 tuần đầu sau sinh.

Sau sinh (kể cả sau phẫu thuật lấy thai), không cho con bú:

* Sau sinh 4 tuần trở đi, vô kinh: bất kỳ lúc nào, nếu chắc chắn không có thai.
* Sau sinh 4 tuần trở đi, đã có kinh trở lại: như trường hợp kinh nguyệt bình thường.
* Sau phá thai (3 tháng đầu và 3 tháng giữa): ngay sau khi phá thai, ngoại trừ nhiễm khuẩn sau phá thai.

### *4.3.2. Khách hàng đang sử dụng BPTT khác.*

Ngay lập tức, nếu chắc chắn không có thai.

Đối với DCTC giải phóng levonorgestrel:

* Trong vòng 7 ngày đầu kể từ ngày hành kinh đầu tiên: không cần sử dụng BPTT hỗ trợ.
* Quá 7 ngày kể từ ngày hành kinh đầu tiên: cần tránh giao hợp hoặc sử dụng thêm BPTT hỗ trợ trong 7 ngày kế tiếp.
* Nếu chuyển đổi từ thuốc tiêm: cho đến thời điểm hẹn tiêm mũi tiếp theo, không cần sử dụng BPTT hỗ trợ.

### *4.3.3. Tránh thai khẩn cấp.*

DCTC chứa đồng: trong vòng 5 ngày sau cuộc giao hợp không được bảo vệ, nếu ước tính được ngày phóng noãn có thể đặt muộn hơn 5 ngày sau giao hợp không bảo vệ nhưng không quá 5 ngày kể từ ngày phóng noãn. DCTC chứa đồng không được sử dụng tránh thai khẩn cấp cho trường hợp bị hiếp dâm và có nguy cơ NKLTQĐTD cao.

DCTC giải phóng levonorgestrel không được khuyến cáo sử dụng cho tránh thai khẩn cấp.

Nếu biết chắc ngày phóng noãn, đặt DCTC để tránh thai khẩn cấp có thể được thực hiện trong vòng 5 ngày sau phóng noãn, tức có thể trễ hơn 5 ngày sau giao hợp không được bảo vệ.

### 5. Thủ thuật đặt dụng cụ tử cung

## 5.1. Đối với tất cả các loại DCTC.

DCTC được đưa vào ống đặt ngay trước khi đặt.

Cần đảm bảo vô khuẩn và tuân thủ những qui định của Chuẩn phòng chống nhiễm khuẩn khi thực hiện thủ thuật. Đảm bảo kỹ thuật “không chạm”. Cần thay găng mới sau khi chuẩn bị DCTC.

## 5.2. Chuẩn bị đặt:

* Kiểm tra dụng cụ và bao đựng DCTC (thời hạn sử dụng, bao còn nguyên vẹn).
* Cho khách hàng đi tiểu.
* Khách hàng nằm trên bàn theo tư thế phụ khoa.
* Giải thích cho khách hàng các thủ thuật chuẩn bị tiến hành.
* Khám trong để xác định tư thế, thể tích tử cung và phần phụ.
* Thay găng vô khuẩn.
* Sát khuẩn bộ phận sinh dục ngoài (kẹp sát khuẩn 1).
* Trải khăn vô khuẩn.

-Tư thế thầy thuốc: ngồi trên ghế, khoảng giữa 2 đùi của khách hàng. Nếu có người phụ thì người phụ ngồi bên trái thầy thuốc (đi găng vô khuẩn ở tay cầm van hoặc dụng cụ).

## 5.3. Các thao tác đặt DCTC:

Bộc lộ cổ tử cung.

Mở âm đạo bằng van.

Sát khuẩn cổ tử cung và túi cùng âm đạo bằng Betadin (kẹp sát khuẩn 2).

Cặp cổ tử cung bằng kẹp Pozzi và kéo nhẹ xuống.

Đo buồng tử cung:

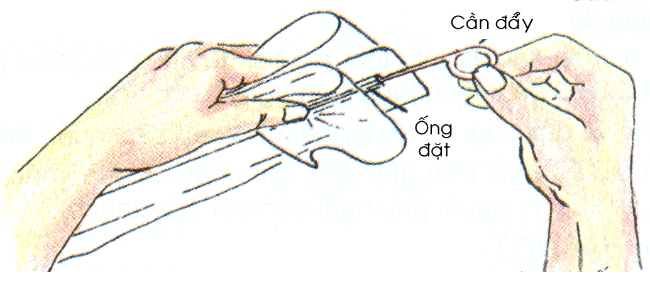
|  |  |
| --- | --- |
| Đo buồng tử cung: Cầm thước đo tử cung bằng các ngón tay, nhẹ nhàng đưa qua lỗ cổ tử cung vào trong, theo hướng của tử cung (ngả trước hay ngả sau, chính giữa hay lệch một bên) đã được xác định khi thăm khám tới khi có cảm giác đầu thước đo chạm được đáy tử cung.  Không để đầu thước đo chạm vào da vùng âm hộ hay thành âm đạo khi thao tác.  Xác định độ sâu buồng tử cung. | Hình 2. Đo buồng tử cung |

5.3.1. Đặt DCTC chữ T có đồng và Multiload

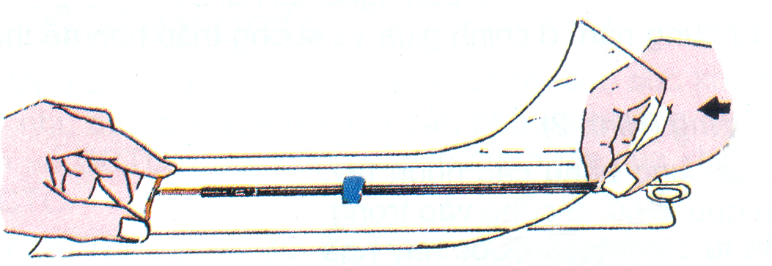
- Lắp DCTC vào ống đặt:

Loại TCu 380-A: Lắp DCTC vào ống đặt trong bao bì.

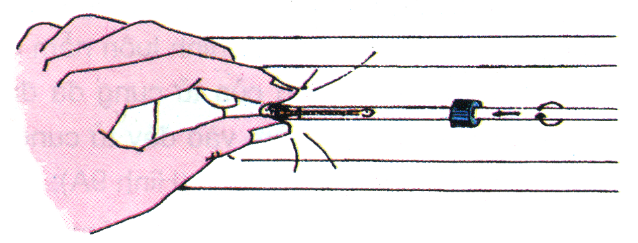
Loại Multiload: Vòng đã lắp sẵn trong ống đặt, chỉ cần mở bao bì.



Hình 3. Sau khi xé bao bì, lắp cần đẩy vào trong ống đặt.\



Hình 4. Lắp DCTC vào ống đặt (trong bao)



Hình5. Lắp DCTC vào ống đặt trong bao (tiếp)



Hình 6. Dụng cụ sắp được đưa vào trong tử cung

Chỉnh lại nấc đánh dấu trên ống đặt sao cho khoảng cách còn lại bằng với chiều dài buồng tử cung.

Đưa DCTC vào trong tử cung

Cầm ống đặt đúng tư thế, đúng hướng, tay kia cầm kẹp Pozzi kéo cổ tử cung về phía âm môn rồi nhẹ nhàng đưa ống đặt (có DCTC) qua cổ tử cung vào trong đến khi nấc đánh dấu chạm vào lỗ ngoài CTC.

Giữ nguyên cần đặt, kéo ống đặt xuống để giải phóng cành ngang.

Giữ nguyên ống đặt, rút cần đặt ra ngoài.

Đẩy nhẹ ống đặt lên để đảm bảo nấc đánh dấu chạm cổ tử cung.

Rút ống đặt.

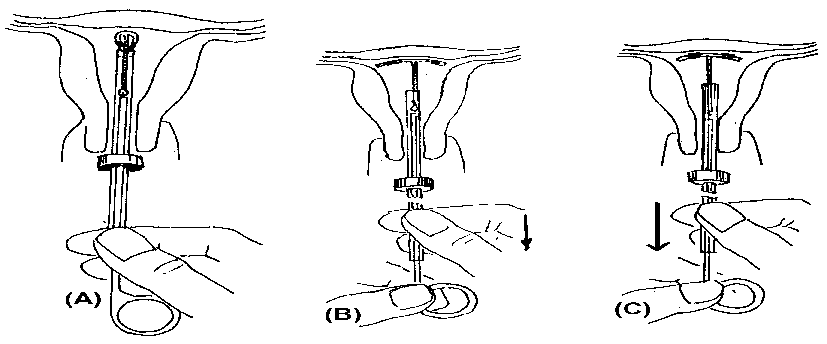
Cắt dây DCTC để lại từ 2 - 3 cm và gấp vào túi cùng sau âm đạo.

Tháo kẹp Pozzi/Stopes.

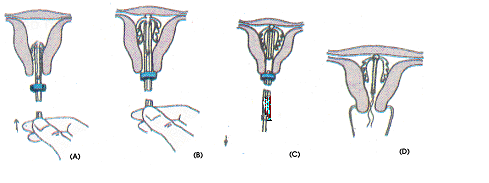
Kiểm tra chảy máu và cầm máu nếu cần.

Tháo van hay mỏ vịt.

Thông báo cho khách hàng biết đã tiến hành xong thủ thuật.



H7. Cách đặt DCTC TCu 380-A H8. DCTC TCu 380-A đã đặt xong



Hình 9. Cách đặt DCTC MLCu-375

5.3.2. *Đặt DCTC dạng không khung (GyneFix®)*

Mở bao bì bộ thiết bị đặt DCTC GyneFix.

Đo buồng tử cung (như đã mô tả ở trên) bằng thước đo có sẵn trong bộ đặt DCTC.

Chỉnh lại nấc đánh dấu trên ống đặt sao cho khoảng cách còn lại bằng với chiều dài buồng tử cung cộng thêm 0,5cm (để cho phép khả năng linh hoạt của mô đáy).

Kéo nhẹ kẹp cổ tử cung.

Đưa thiết bị đặt DCTC vào buồng tử cung cho tới khi chạm đáy tử cung.

Ngay khi chạm đáy tử cung, dùng ngón tay cái (của tay đang giữ kẹp cổ tử cung) tì nhẹ vào đầu cán của cần đặt để giữ cho đầu thiết bị tiếp xúc với đáy tử cung.

Cầm cán của cần đặt bằng ngón cái và ngón trỏ của tay còn lại, kết hợp với duy trì ngón cái tì vào đầu cán của cần đặt.

Chú ý đến khoảng cách giữa cán của cần đặt và điểm cuối của ống đặt.

Đẩy cần đặt về phía trước nhẹ nhàng và từ từ, cho đến khi cảm thấy mỏ neo giữ DCTC thâm nhập vào cơ tử cung. Dừng đẩy khi không còn khoảng cách giữa cán của cần đặt và điểm cuối của ống đặt.

Giải phóng dây chỉ trong khi tiếp tục giữ thiết bị đặt DCTC bằng ngón cái của tay giữ kẹp.

Bỏ ngón cái của tay giữ kẹp cổ tử cung ra khỏi đầu cần đặt. Rút cần đặt ra khỏi buồng tử cung.

Rút ống đặt DCTC ra khỏ buồng tử cung một cách từ từ, vừa rút vừa xoay nhẹ.

Cắt dây DCTC cách cổ tử cung từ 2 - 3 cm và gấp vào túi cùng sau âm đạo

Tháo kẹp Pozzi/kẹp stopes/kẹp allis

Kiểm tra chảy máu và cầm máu nếu cần.

Tháo van hay mỏ vịt.

Thông báo cho khách hàng biết đã tiến hành xong thủ thuật.

*5.3.3. Đặt DCTC giải phóng levonorgestrel :*

Mở túi chứa bộ dụng cụ. Đẩy nút hãm lên vị trí cao nhất của rãnh trên cần đặt để hai cành ngang của DCTC lọt vào trong ống đặt DCTC.

Chỉnh lại nấc đánh dấu trên ống đặt sao cho khoảng cách còn lại bằng với chiều dài buồng tử cung.

Kẹp cổ tử cung bằng kìm Pozzi và kéo nhẹ để ống cổ tử cung thẳng so với buồng tử cung. Nhẹ nhàng đẩy cần đặt qua ống cổ tử cung vào buồng tử cung cho đến khi nấc đánh dấu cách lỗ ngoài cổ tử cung 1,5 - 2 cm. Chú ý không đẩy cần đặt quá mạnh.

Giữ cần đặt và kéo từ từ nút hãm cho đến khi đầu tận cùng của nút hãm đến gờ đánh dấu trên rãnh của cần đặt.

Đẩy nhẹ nhàng ống đặt vào buồng tử cung cho đến khi nấc đánh dấu chạm vào lỗ ngoài cổ tử cung.

Giữ chắc cần đặt và nhẹ nhàng kéo nút hãm cho đến vị trí thấp nhất của rãnh trên cần đặt để giải phóng DCTC.

Rút cần đặt ra khỏi buồng tử cung.

Cắt ngắn dây DCTC, để lại bên ngoài tử cung 2 - 3cm.

Tháo kẹp Pozzi.

Kiểm tra chảy máu và cầm máu nếu cần.

Tháo van hay mỏ vịt.

Thông báo cho khách hàng biết đã tiến hành xong thủ thuật.

### 6. Tháo DCTC.

## 6.1. Chỉ định tháo DCTC.

Vì lý do y tế:

Có thai (nếu thấy dây DCTC mới được tháo).

Ra nhiều máu.

Đau bụng dưới nhiều.

Nhiễm khuẩn tử cung hoặc tiểu khung.

Phát hiện tổn thương ác tính hoặc nghi ngờ ác tính ở tử cung, cổ tử cung.

DCTC bị tụt thấp.

Đã mãn kinh (sau khi mất kinh 12 tháng trở lên)

DCTC đã hết hạn (10 năm với TCu 380-A, 5 năm với Multiload): sau khi tháo có thể đặt ngay DCTC khác (nếu khách hàng muốn)

Vì lý do cá nhân:

Muốn có thai trở lại.

Muốn dùng một BPTT khác.

Thấy không cần dùng BPTT nào nữa.

## 6.2. Cách tháo DCTC.

Cả ba loại DCTC TCu 380-A, Multiload và giải phóng levonorgestrel đều có dây nên chỉ cần dùng kẹp cặp vào cả 2 dây, nhẹ nhàng kéo ra là được.

Trong trường hợp không nhìn thấy dây DCTC thì chuyển lên tuyến trên.

### 7. Những vấn đề khó khăn khi sử dụng và cách xử trí.

## 7.1. Ra máu nhiều hoặc kéo dài (> 8 ngày hoặc gấp đôi lượng máu kinh bình thường).

Giải thích cho khách hàng hiện tượng ra máu nhiều hoặc kéo dài thường gặp trong 3 - 6 tháng đầu và sẽ cải thiện dần.

Nếu điều trị, có thể chỉ định:

Các thuốc kháng viêm không có steroid (không dùng aspirin), hoặc

Acid tranexamic.

Nếu nghi ngờ bệnh lý: cần loại trừ các NKĐSS/NKLTQĐTD khác, nếu có bệnh cần phải điều trị hoặc chuyển tuyến.

Nếu ra máu nhiều đến mức đe dọa đến sức khỏe: tháo DCTC và hướng dẫn chọn BPTT khác.

Bổ sung sắt và khuyến cáo các thức ăn giàu sắt.

## 7.2. Ra máu âm đạo bất thường.

Tiếp tục sử dụng DCTC, cần khảo sát nguyên nhân với xử trí là điều trị hoặc chuyển tuyến.

## 7.3. Đau hạ vị.

Hỏi bệnh, khám để phát hiện nguyên nhân, xử trí. Chuyển tuyến nếu có một trong các vấn đề sau:

Mất kinh, trễ kinh hoặc khẳng định có thai

Mới sinh hoặc sẩy thai

Đau, căng vùng bụng khi khám

Ra máu âm đạo

Sờ được khối vùng chậu

Nếu không có bất kỳ dấu hiệu nào trên đây, chẩn đoán viêm vùng chậu nếu có ít nhất một trong các dấu hiệu sau:

Thân nhiệt > 380C.

Khí hư bất thường.

Đau khi di động cổ tử cung.

Khối nề ở vùng phần phụ.

Bạn tình gần đây có tiết dịch niệu đạo hoặc được điều trị lậu.

Điều trị hoặc chuyển tuyến ngay để điều trị.

Nếu khách hàng muốn tháo DCTC: dùng kháng sinh và tháo.

Theo dõi: nếu không cải thiện sau 2 - 3 ngày điều trị hoặc hình thành áp xe, cần chuyển đến bệnh viện. Tháo DCTC.

Khám và điều trị cho bạn tình.,

## 7.4. Mắc NKLTQĐTD hoặc bị trong vòng 3 tháng gần đây hoặc viêm mủ cổ tử cung

Tháo DCTC.

Chẩn đoán và điều trị NKLTQĐTD hoặc chuyển tuyến.

Khám và điều trị bạn tình.

## 7.5. Có thai.

Loại trừ thai ngoài tử cung.

Mang thai 3 tháng đầu (< 13 tuần), thấy dây DCTC.

Giải thích rằng nên tháo DCTC để tránh nguy cơ nhiễm khuẩn, sẩy thai và đẻ non. Động tác tháo vòng cũng có nguy cơ thấp gây sẩy thai.

Nếu khách hàng đồng ý, tháo DCTC hoặc chuyển tuyến để tháo. Cần khám lại ngay nếu ra máu nhiều, đau bụng, ra dịch âm đạo hoặc sốt.

Nếu không thấy dây DCTC và/hoặc thai > 3 tháng.

Cần siêu âm đánh giá xem liệu DCTC có còn nằm đúng vị trí không.

Giải thích rằng có nguy cơ nhiễm khuẩn nặng, nếu không muốn mang thai có thể xử trí theo qui định về chấm dứt thai kỳ với mục đích điều trị.

Nếu muốn hoặc bắt buộc tiếp tục mang thai, giải thích về nguy cơ nhiễm khuẩn và sẩy thai. Cần theo dõi thai nghén chặt và khám lại ngay nếu ra máu nhiều, đau bụng, ra dịch âm đạo hoặc sốt.

## 7.6. Chồng/bạn tình phàn nàn về dây DCTC.

Giải thích cho khách hàng và bạn tình (nếu có thể) rằng cảm giác đó là bình thường.

Mô tả các lựa chọn và xử trí:

Cắt ngắn đoạn dây, hoặc

Tháo DCTC.

Chú ý: Hẹn khám lại sau 3 đến 6 tuần và khám lại ngay nếu gặp khó khăn hay những vấn đề nêu ở phần 4.

### 8. Đối với khách hàng HIV(+).

Khách hàng HIV(+) hoặc AIDS với tình trạng lâm sàng ổn định có thể sử dụng DCTC. Không cần lấy DCTC ra nếu khách hàng tiến triển thành AIDS, tuy nhiên những người này cần theo dõi các dấu hiện của tình trạng viêm vùng chậu.

Yêu cầu khách hàng sử dụng bao cao su kèm theo. Khi sử dụng đúng cách, thường xuyên, bao cao su giúp ngăn ngừa lây nhiễm HIV và các NKLTQĐTD.

***Bảng kiểm:* KỸ THUẬT ĐẶT DỤNG CỤ TỬ CUNG**

***(Loại TCu 380-A)***

*(Do khách hàng lựa chọn sau khi đã được tư vấn)*

| **TT** | **Nội dung** | **Có** | **Không** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A - Chuẩn bị đặt** | |  |  |  |
|  | Kiểm tra xem có đủ phương tiện dụng cụ đặt DCTC. |  |  |  |
|  | Tư vấn, giải thích cho khách hàng nội dung công việc sẽ tiến hành và hướng dẫn khách hàng đi tiểu, rửa vùng sinh dục, đáy chậu. |  |  |  |
|  | Để khách hàng nằm tư thế phụ khoa rồi tiến hành khám trong xác định tư thế, thể tích tử cung và phần phụ. |  |  |  |
|  | Sát khuẩn âm hộ, đáy chậu bằng Betadin (kẹp sát khuẩn 1), trải khăn vô khuẩn. |  |  |  |
|  | Thầy thuốc: đi găng vô khuẩn, ngồi trên ghế , giữa hai đùi khách hàng. Người phụ: ngồi bên trái thầy thuốc, chỉ cần đeo găng ở tay cầm van. |  |  |  |
| **B - Các thao tác đặt DCTC** | |  |  |  |
| ***B1 - Bộc lộ CTC*** | |  |  |  |
|  | Mở âm đạo bằng van hay mỏ vịt. |  |  |  |
|  | Sát khuẩn CTC và túi cùng âm đạo bằng Betadin (kẹp 2). |  |  |  |
|  | Cặp CTC bằng kẹp Pozzi (vị trí 12 giờ hoặc 10 và 2 giờ). |  |  |  |
| ***B2 - Đo buồng TC*** | |  |  |  |
|  | Đưa nhẹ thước đo đúng hướng, không chạm vào âm hộ, âm đạo. |  |  |  |
|  | Xác định độ sâu của buồng TC |  |  |  |
| ***B3 - Lắp DCTC vào ống đặt trong bao*** | |  |  |  |
|  | Kiểm tra bao bì và hạn dùng ghi trên bao. |  |  |  |
|  | Xé bao bì đúng vị trí, lột vỏ bao chỉ tới 1/3. |  |  |  |
|  | Lắp cần đẩy vào ống đặt (đầu cần chạm đuôi DCTC). |  |  |  |
|  | Lắp DCTC vào đầu trên ống đặt (không quá 1 phút). |  |  |  |
|  | Điều chỉnh nấc hãm màu xanh trên ống đặt đúng hướng và đúng độ sâu TC. |  |  |  |
| ***B4 - Đưa DCTC vào trong TC*** | |  |  |  |
|  | Từ khi lắp DCTC đến lúc này dưới 5 phút. |  |  |  |
|  | Cầm kẹp Pozzi kéo cổ tử cung xuống. |  |  |  |
|  | Cầm ống đặt đúng tư thế, đúng hướng, nhẹ nhàng cho qua lỗ ngoài CTC vào trong. |  |  |  |
|  | Giữ cần đẩy, kéo ống đặt xuống để giải phóng cành ngang chữ T. |  |  |  |
|  | Đẩy nhẹ ống đặt lên để đảm bảo DCTC nằm sát đáy. |  |  |  |
|  | Giữ ống đặt, rút cần đẩy ra ngoài. |  |  |  |
|  | Rút ống đặt ra ngoài. |  |  |  |
|  | Cắt dây ni lông để lại 2 - 3cm và quặt vào một túi cùng. |  |  |  |
| ***B5 - Tháo bỏ dụng cụ*** | |  |  |  |
|  | Tháo kẹp Pozzi/stopes |  |  |  |
|  | Sát khuẩn lại bằng Betadin, cầm máu (nếu cần). |  |  |  |
|  | Tháo van hay mỏ vịt. |  |  |  |
|  | Thông báo cho khách biết công việc đã xong. |  |  |  |

* **Mức 1**: hoàn thành tất cả các bước
* **Mức 2**: hoàn thành tất cả các bước in đậm, thiếu một vài bước không in đậm
* **Mức 3**: bỏ qua nhiều bước trong đó có bước in đậm

*Bảng kiểm:* KỸ THUẬT ĐẶT DỤNG CỤ TỬ CUNG

***(Loại MLCu375)***

*(Do khách hàng lựa chọn sau khi đã được tư vấn)*

| **TT** | **Nội dung** | **Có** | **Không** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A - Chuẩn bị đặt** | |  |  |  |
|  | Kiểm tra xem có đủ phương tiện dụng cụ đặt DCTC. |  |  |  |
|  | Tư vấn, giải thích cho khách hàng nội dung công việc sẽ tiến hành và hướng dẫn khách hàng đi tiểu để rỗng bàng quang, rửa vùng sinh dục, đáy chậu. |  |  |  |
|  | Để khách hàng nằm tư thế phụ khoa rồi khám trong xác định tư thế, thể tích tử cung và phần phụ. |  |  |  |
|  | Sát khuẩn âm hộ, đáy chậu bằng Betadin (kẹp sát khuẩn 1), trải khăn vô khuẩn |  |  |  |
|  | Thầy thuốc: đi găng vô khuẩn, ngồi trên ghế đẩu, giữa hai đùi của khách hàng. Người phụ: ngồi bên trái thầy thuốc, chỉ cần đeo găng ở tay cầm van. |  |  |  |
| **B - Các thao tác đặt DCTC** | |  |  |  |
| ***B1 - Bộc lộ CTC*** | |  |  |  |
|  | Mở âm đạo bằng van hay mỏ vịt. |  |  |  |
|  | Sát khuẩn cổ tử cung và túi cùng âm đạo bằng Betadin (kẹp 2). |  |  |  |
|  | Cặp cổ tử cung bằng kẹp Pozzi (vij trí 12 giờ hoặc 10 và 2 giờ). |  |  |  |
| ***B2 - Đo buồng tử cung*** | |  |  |  |
|  | Đưa nhẹ thước đo đúng hướng, không chạm vào âm hộ và âm đạo. |  |  |  |
|  | Xác định độ sâu của buồng tử cung. |  |  |  |
| ***B3 - Đưa DCTC vào trong tử cung*** | |  |  |  |
|  | Kiểm tra bao bì và hạn dùng |  |  |  |
|  | Xé bỏ bao bì, đặt núm điều chỉnh đúng hướng và độ sâu buồng tử cung. |  |  |  |
|  | Một tay cầm kẹp Pozzi kéo cổ tử cung về phía âm môn. |  |  |  |
|  | Tay kia giữ ống đặt (có DCTC) đúng hướng (theo núm điều chỉnh), cố định dây, đẩy DCTC vào qua lỗ ngoài cổ tử cung, theo hướng của tử cung tới khi chạm đáy. |  |  |  |
|  | Rút ống đặt ra ngoài. |  |  |  |
|  | Cắt dây ni lông để lại độ dài 2 - 3cm, quặt vào túi cùng âm đạo. |  |  |  |
| ***B4 - Tháo bỏ dụng cụ*** | |  |  |  |
|  | Tháo kẹp Pozzi. |  |  |  |
|  | Sát khuẩn lại bằng Betadin, cầm máu (nếu cần.) |  |  |  |
|  | Tháo van hay mỏ vịt. |  |  |  |
|  | Thông báo cho khách hàng biết công việc đã xong. |  |  |  |

TỰ LƯỢNG GIÁ

Trả lời ngắn các câu từ 1 đến 3:

1. DCTC là một vật nhỏ đặt trong tử cung để tránh thai, chỉ cần đặt...........**(A)**........... nhưng có tác dụng tránh thai..............**(B)** ............

2. Hãy nêu ít nhất 5 điểm thuận lợi (hay ưu điểm) của DCTC?

A

B

C

D

E

3. Hãy nêu ít nhất 3 điểm không thuận lợi (nhược điểm) của DCTC?

A

B

C

Phân biệt Đ - S các câu từ 4 đến 24 bằng cách đánh dấu 🗸 vào ô phù hợp:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. Về thời điểm đặt DCTC:** | **Đ** | **S** |
| 4. Chỉ đặt DCTC khi chắc chắn khách hàng không có thai. |  |  |
| 5. Nên đặt DCTC ngay sau khi đẻ nếu khách hàng yêu cầu để tăng số người áp dụng BPTT. |  |  |
| 6. Tất cả những trường hợp phá thai có yêu cầu đặt DCTC để tránh có thai trở lại đều nên chấp nhận. |  |  |
| 7. Sau đẻ sáu tuần lễ có thể đặt DCTC được ngay. |  |  |
| 8. Sau đẻ 3 tháng, nếu kinh nguyệt chưa trở lại và bà mẹ nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ thì vẫn có thể đặt DCTC ngay được. |  |  |
| 9. Sau đẻ 2 tháng, nếu chưa có kinh, vừa cho con bú mẹ vừa cho ăn thêm sữa bò vẫn có thể đặt DCTC ngay được. |  |  |
| **B. Về những chỉ định đặt DCTC:** | **Đ** | **S** |
| 10. Khách hàng 20 tuổi - 1 con - khỏe mạnh. |  |  |
| 11. Khách hàng 23 tuổi chưa có con. |  |  |
| 12. Khách hàng 40 tuổi đã 2 con. |  |  |
| 13. Khách hàng bị sa sinh dục độ II. |  |  |
| 14. Khách hàng bị viêm tiểu khung mạn đã được điều trị. |  |  |
| 15. Khách hàng thiếu máu, Hb 10,5g%. |  |  |
| 16. Khách hàng có kinh mỗi kỳ 5 - 7 ngày. |  |  |
| 17. Phát hiện có nhiều khí hư khi khám. |  |  |
| 18. Chồng khách hàng có nhiều bạn tình. |  |  |
| 19. Đã có hai con và một lần chửa ngoài tử cung. |  |  |
| 20. Khách hàng mới lấy chồng, đang đi học, chưa muốn có con. |  |  |
| 21. Khách hàng đã có 5 con. |  |  |
| 22. Khách hàng đã 45 tuổi. |  |  |
| 23. Khách hàng đã nhiều lần nạo hút thai. |  |  |
| 24. Khách hàng đã mổ u xơ tuyến vú. |  |  |

Chọn một câu trả lời tốt nhất cho các câu từ 25 đến 28:

25. Thời điểm đặt DCTC trong chu kỳ kinh đúng nhất là vào lúc:

1. Trước khi có kinh.
2. Trong lúc đang hành kinh.
3. Ngay sau khi sạch kinh.
4. Sau khi sạch kinh 3 đến 5 ngày.
5. Bất kể ngày nào trong chu kỳ kinh.

26. Để tránh thai khẩn cấp, cần đặt DCTC sau khi giao hợp không được bảo vệ càng sớm càng tốt, nhưng không được chậm

1. Quá 2 ngày.
2. Quá 3 ngày.
3. Quá 4 ngày.
4. Quá 5 ngày.
5. Quá 1 tuần.

27. Từ khi DCTC TCu 380-A được lắp vào ống dẫn đến lúc đặt vào tử cung, thời gian không được quá:

1. 1 phút.
2. 2 phút.
3. 4 phút.
4. 5 phút.
5. 10 phút.

28. Trong những lý do sau đây của khách hàng đề nghị tháo DCTC chưa hết thời hạn, vẫn ổn định, không có biến chứng, có một lý do cần tư vấn cho khách không nên tháo bỏ. Đó là lý do gì?

1. Muốn đẻ lại.
2. Muốn dùng một BPTT khác.
3. Muốn thay bằng một loại DCTC mới có tác dụng lâu năm hơn.
4. Chồng mới chết.
5. 47 tuổi, đã mất kinh liên tục 13 tháng, cho rằng đã mãn kinh.

29. Quan sát cán bộ y tế (hoặc bạn học trong lớp) đặt DCTC (trên mô hình hoặc trên khách hàng), theo dõi chấm trên bảng kiểm và đánh giá rút kinh nghiệm trường hợp đặt DCTC đó.